

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng cho Khóa 22)

TÊN CHƯƠNG TRÌNH: Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: Đại học

NGÀNH ĐÀO TẠO: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

MÃ SỐ: 52340101

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: Chính qui tập trung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung: Cử nhân Quản trị Kinh doanh được đào tạo 3 khối kiến thức: giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh, sinh viên ra trường có khả năng phân tích, xử lý thông tin doanh nghiệp, từ đó có thể tổ chức thực hiện các chiến lược tài chính, marketing, nhân sự,... quản trị và điều hành các hoạt động của doanh nghiệp hay tổ chức, có khả năng quản trị các rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện, có ý thức trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ ngoại ngữ tốt; bảo đảm khi sinh viên ra trường có đủ năng lực đảm nhận công tác quản trị thuộc mọi lĩnh vực và cấp bậc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Tốt nghiệp chương trình Đại học Quản trị Kinh doanh, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

- Về kiến thức:

a. Chính trị: Hiểu biết cơ bản về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước; chủ nghĩa Mac Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam.

b. Kinh tế: Có kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, tài chính – tiền tệ, thị trường chứng khoán, thuế vụ, marketing,...

c. Khoa học – toán ứng dụng: Có kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế, kinh tế lượng, thống kê... bảo đảm khả năng tính toán, phân tích các hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.

d. Khoa học quản trị: Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh như: Quản trị sản xuất & dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, nghiên cứu

và quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị nguồn nhân lực, quản trị rủi ro trong kinh doanh, quản trị chuỗi cung ứng...

e. Pháp luật: Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kinh doanh quốc tế.

f. Hoạch định: Có kiến thức cơ bản về chiến lược xây dựng nguồn nhân lực, chiến lược tài chính, chiến lược marketing... để có thể hoạch định và tham gia hoạch định về chiến lược và chính sách kinh doanh, xây dựng chương trình & kế hoạch kinh doanh tại các doanh nghiệp.

- Về kỹ năng

Kỹ năng cứng:

Trên cơ sở kiến thức được trang bị nêu trên, sinh viên được rèn luyện thêm các kỹ năng chuyên môn để có khả năng đảm nhận các hoạt động sau đây tại các doanh nghiệp:

- a. Quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh; Xây dựng, tổ chức quản lý thực hiện các dự án đầu tư trong kinh doanh
- b. Hoạch định các chiến lược tài chính, marketing, chính sách kinh doanh;
- c. Thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế;
- d. Phân tích hoạt động, đánh giá hiệu quả các hoạt động kinh doanh;
- e. Xử lý các tình huống phát sinh, tổ chức phòng ngừa các rủi ro trong kinh doanh;
- f. Phát triển quan hệ quốc tế trong kinh doanh;
- g. Quản trị, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ có hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- h. Quản trị tài sản, tài chính doanh nghiệp.

Kỹ năng mềm:

- a. Có khả năng thăm dò, tiếp xúc, thu hút, thương lượng với các đối tượng khách hàng;
- b. Có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm (team-work) để đạt hiệu quả tốt trong công tác;
- c. Có khả năng trình bày, thuyết phục trước đám đông và theo từng đối tượng khách hàng về mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp; hợp tác triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch kinh doanh;
- d. Có trình độ tiếng Anh căn bản khi tốt nghiệp tương đương với 450 điểm TOEIC trở lên để có thể sử dụng và nâng cao trong quá trình làm việc;
- e. Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng cần thiết trong hoạt động kinh doanh;
- f. Có khả năng xây dựng & phát triển môi trường văn hóa cho doanh nghiệp.

- Về thái độ

- a. Có phẩm chất đạo đức kinh doanh, có tinh thần nghề nghiệp, không vì tư lợi mà lừa dối khách hàng;

- b. Có tinh thần trách nhiệm, tác phong đứng đắn trung thực, thái độ vui vẻ, lịch sự trong giao tiếp;
- c. Có tinh thần cầu tiến, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ trong quá trình làm việc và quan hệ trong kinh doanh;
- d. Có ý thức tôn trọng, chấp hành luật pháp nhà nước, đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

- Về kiến thức:

a. Lý luận chính trị cơ bản: Hiểu biết về đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;

b. Khoa học cơ sở: Có kiến thức cơ bản về toán học ứng dụng trong kinh tế: kinh tế lượng, thống kê, bảo đảm khả năng tính toán, phân tích các vấn đề trong kinh doanh và các kiến thức về khoa học xã hội đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập;

c. Khoa học quản trị: Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản trị để ứng dụng trong công tác quản trị kinh doanh như: quản trị marketing, quản trị tài chính, quản trị dự án, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chuỗi cung ứng...

d. Kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

- Có kiến thức về tổ chức bộ máy quản lí doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực, quản lý tài chính, quản lý thị trường, khách hàng và hệ thống thông tin;
- Có kiến thức về quản lí dự án để tổ chức thực hiện, điều hành các dự án, phương án, kế hoạch của tổ chức, doanh nghiệp, kiểm soát, giám sát các hoạt động doanh nghiệp; điều chỉnh phương án hoạt động khi có những vấn đề phát sinh;
- Hiểu biết nền tảng hệ thống thông tin và áp dụng được các công cụ CNTT phục vụ cho quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp;
- Hiểu biết và trình bày được những giới hạn của việc phát triển với những khả năng hiện có về các nguồn lực tài chính, công nghệ của tổ chức, cách thức phát triển các qui trình chuẩn, tái cấu trúc, cải tiến quy trình nghiệp vụ dựa trên kho dữ liệu vận hành của tổ chức.
- Nhận diện, nắm bắt được những kết quả tìm kiếm quan trọng từ việc phân tích kho dữ liệu lớn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng như các dữ liệu mạng xã hội bên ngoài doanh nghiệp. Sử dụng được các kết quả phân tích như là nền tảng của việc thiết kế các quy trình nghiệp vụ dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về tổ chức và CNTT.

e. Pháp luật: Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, luật kinh tế, luật kinh doanh quốc tế.

f. Hoạch định: Có kiến thức cơ bản về chiến lược xây dựng nguồn nhân lực, chiến lược tài chính, chiến lược marketing... để có thể hoạch định và tham gia hoạch định về chiến lược và chính sách kinh doanh, xây dựng chương trình & kế hoạch kinh doanh tại các doanh nghiệp.

- **Về kỹ năng:**

Kỹ năng cứng

- a. Có năng lực quản trị công việc trên nền công nghệ thông tin;
- b. Có khả năng phân tích doanh nghiệp, xác định yêu cầu doanh nghiệp;
- c. Có khả năng lập kế hoạch quản lý quan hệ khách hàng, quản lý công nhân tri thức, nguồn nhân lực, quản lý tài chính trên nền công nghệ thông tin;
- d. Có khả năng quản lý công nghệ và các quy trình của doanh nghiệp;
- e. Có khả năng kết hợp các công cụ quản trị kinh doanh và ứng dụng của hệ thống thông tin để tối đa hóa hiệu năng của doanh nghiệp;
- f. Có khả năng tư duy logic, thiết kế hệ thống, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề;
- g. Có khả năng đàm phán kinh doanh quốc tế trong kinh doanh;
- h. Có khả năng quản trị, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ có hiệu quả hoạt động kinh doanh;

Kỹ năng mềm

- a. Có kỹ năng trình bày, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng xã hội;
- b. Có khả năng đọc, tìm kiếm, lưu trữ, trao đổi, thảo luận, cộng tác qua mạng;
- c. Biết tổ chức công việc, quản lý thời gian, làm việc nhóm và chia sẻ thông tin;
- d. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả;
- e. Hiểu được tâm lý để thúc đẩy hiệu quả của nguồn nhân lực;
- f. Có khả năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp, đọc tài liệu tiếng Anh chuyên ngành. Khi tốt nghiệp sinh viên có trình độ tiếng Anh tương đương 450 TOEIC.

- **Về thái độ:**

- a. Tôn trọng pháp luật và điều hành doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật;
- b. Có ý thức trách nhiệm với xã hội;
- c. Tôn trọng các nguyên tắc đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh;
- d. Năng động, cầu tiến, tự tin trong công việc, có khả năng làm việc độc lập.

1.3 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

- a. Có khả năng đảm nhận các vị trí công tác tại các doanh nghiệp từ nhân viên chuyên môn, chuyên viên nghiên cứu, đến các chức vụ trưởng phó phòng, trợ lý, giám đốc, phó giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị...

- b. Có khả năng làm Trưởng, Phó, chuyên viên, nhân viên trong Ban Quản lý Dự án đầu tư, kinh doanh.
- c. Có khả năng tham gia các đoàn công tác đối ngoại của các tổ chức kinh tế để thăm dò, thương thảo, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác.
- d. Có khả năng đảm nhận các công việc và vị trí được phân công tại các cơ quan quản lý Nhà nước.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh chuyên sâu Quản trị hệ thống thông tin, sinh viên có khả năng tham gia vào các vị trí đang có nhu cầu rất cao trong doanh nghiệp theo trình độ và kinh nghiệm như sau:

- a. Trong thời gian đầu (ít hơn 3 năm), SV có thể làm việc ở các vị trí sau:
 - Chuyên viên bán hàng, quản lý mối quan hệ khách hàng trong lĩnh vực CNTT.
 - Chuyên viên tư vấn giải pháp HTTT cho doanh nghiệp.
 - Chuyên viên quản lý cơ sở dữ liệu
 - Chuyên viên thiết kế HTTT.
- b. Từ 3-5 năm có khả năng đảm trách các vị trí:
 - Chuyên viên tư vấn và kiểm định HTTT
 - Trưởng nhóm, quản lý dự án HTTT
 - Kiến trúc sư HTTT
 - Quản lý công nghệ thông tin, HTTT trong doanh nghiệp.
 - Quản lý an ninh, an toàn HTTT
- c. Về dài hạn (trên 5-10 năm) có thể phát triển nghề nghiệp ở những vị trí cấp cao:
 - Giám đốc CNTT/HTTT của tổ chức (CIO, CTO, CSO)
 - Giám đốc đào tạo và xây dựng chuẩn/ quy trình cho doanh nghiệp
 - Giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO)
- d. Có khả năng làm việc cho các cơ quan nhà nước.

1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- a. Tham dự các chương trình đào tạo chuyên sâu, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật công nghệ...trong và ngoài nước.
- b. Tham dự các chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh tại các trường đại học trong và ngoài nước.

1.5 Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có năng lực về chuyên môn quản trị đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: 132 tín chỉ, không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin: 136 tín chỉ, không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Các đối tượng đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đạt các yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Văn Lang.

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Quy trình đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng gồm các học phần bắt buộc, sinh viên cần phải đạt được 132 tín chỉ đối với chuyên ngành quản trị kinh doanh và 136 tín chỉ đối với chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin, được phân bổ trong 8 học kỳ. Sau khi hoàn thành các môn học, sinh viên thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp.

Điều kiện tốt nghiệp: theo quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hiện hành.

6. THANG ĐIỂM: 10

7. DANH SÁCH MÔN HỌC:

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh:

Mã HP	Môn học	SỐ TÍN CHỈ
	<i>Kiến thức giáo dục đại cương</i>	50
	Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	10
DCT0010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	3
DCT0011	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	2
DCT0030	Tư tưởng HCM	2
DCT0020	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
	Khoa học xã hội	5
DPL0010	Pháp luật đại cương	2
DMT0020	Môi trường và con người	2
DXH0021	Phương pháp học đại học	1
	Nhân văn – Nghệ thuật	2

DQT0020	Đạo đức kinh doanh	2
	Ngoại ngữ	
DTA0010	Tiếng Anh 1	4
DTA0011	Tiếng Anh 2	3
DTA0012	Tiếng Anh 3	3
DTA0013	Tiếng Anh 4	3
DTA0014	Tiếng Anh 5	3
	Toán - Tin học	11
DTN0011	Toán cao cấp 1	2
DTN0041	Toán cao cấp 2	3
DTN0070	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
DTH0010	Tin học đại cương	3
	Giáo dục Thể chất	
DGT0010	Giáo dục Thể chất 1	
DGT0011	Giáo dục Thể chất 2	
DQP0010	Giáo dục Quốc phòng	
	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	82
	Kiến thức cơ sở của ngành	17
DKT0010	Kinh tế vi mô	3
DKT0030	Kinh tế vĩ mô	3
DKT0021	Marketing căn bản	2
DAC0010	Nguyên lý kế toán	3
DQT0010	Quản trị học	3
DKT0061	Kinh tế lượng	3
DTA0015	Anh văn chuyên ngành 1	3
DTA0016	Anh văn chuyên ngành 2	3
	Kiến thức ngành	55
DAC0260	Kế toán quản trị	2
DQT1050	Phân tích Tài chính	2
DQT0310	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
DQT0101	Quản trị tài chính	2
DKT0081	Tài chính tiền tệ	2
DFB0250	Thị trường chứng khoán	2
DCC0010	Quản trị quan hệ khách hàng	2
DQT0110	Quản trị Marketing	3
DQT0050	Nghiên cứu thị trường	2
DQT0041	Quản trị nguồn nhân lực	3
DQT0400	Động lực thúc đẩy nguồn lực	2
DQT0121	Quản trị chiến lược	2
DQT0132	Quản trị chất lượng	2
DQT0140	Quản trị sản xuất	2

DQT0081	Quản trị rủi ro và Bảo hiểm kinh doanh	2
DQT0090	Quản trị dự án	2
DCC0111	Quản trị chuỗi cung ứng	2
DCC0042	Nghiệp vụ ngoại thương và thanh toán quốc tế	3
DPL0030	Luật kinh tế	3
DKT0040	Thuế	2
DXH0041	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
DPR0060	Kỹ năng giao tiếp	2
DXH0071	Kỹ năng làm việc nhóm	2
DQT0200	Hành vi tổ chức	2
DKT0160	Quan hệ kinh tế quốc tế	2
	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	10
DQT0330	Thực tập tốt nghiệp	2
DQT0410	Thi tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp	8
DCT0070	Thi môn chính trị	0
	Tổng	132

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin:

TT	Nội dung	SỐ TÍN CHỈ
I	Kiến thức giáo dục đại cương	50
1.1	Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	5
2	Tư tưởng HCM	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
1.2	Khoa học xã hội	
1	Pháp luật đại cương	2
2	Môi trường và con người	2
3	Phương pháp học đại học	1
1.3	Nhân văn – Nghệ thuật	
1	Đạo đức kinh doanh	2
1.4	Ngoại ngữ	
1	Tiếng Anh 1	4
2	Tiếng Anh 2	3
3	Tiếng Anh 3	3
4	Tiếng Anh 4	3
5	Tiếng Anh 5	3
1.5	Toán - Tin học	11
1	Toán cao cấp 1	2
2	Toán cao cấp 2	3
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3

4	Tin học đại cương	3
1.6	Giáo dục Thể chất	
1	Giáo dục Thể chất 1	
2	Giáo dục Thể chất 2	
1.7	Giáo dục Quốc phòng	
2	<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	86
2.1	Kiến thức cơ sở của ngành	17
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Marketing căn bản	2
4	Nguyên lý kế toán	3
5	Kinh tế lượng	3
6	Quản trị học	3
7	Anh văn chuyên ngành 1	3
8	Anh văn chuyên ngành 2	3
2.2	Kiến thức ngành	59
1	Tài chính tiền tệ	2
2	Quản trị tài chính	2
3	Phân tích tài chính	2
4	Thị trường chứng khoán	2
5	Động lực thúc đẩy nguồn lực	2
6	Quản trị nguồn nhân lực	2
7	Động lực nhóm và giao tiếp	2
8	Hành vi tổ chức	2
9	Luật kinh tế	3
10	Quản trị quan hệ khách hàng	2
11	Quản trị Marketing	2
12	Thuế	2
13	Quản trị chuỗi cung ứng	2
14	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin)	3
15	Nền tảng máy tính	2
16	Information system application – Database (Cơ sở dữ liệu)	3
17	IS theories and practice (Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin)	3
18	Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin)	3
19	Requirements Engineering (Kỹ nghệ yêu cầu)	3
20	Business Value (Giá trị doanh nghiệp)	3
21	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)	3

22	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)	3
23	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)	2
24	Introduction to network and security (Tổng quan mạng và an ninh mạng)	2
25	Đồ án hệ (ERP)	2
2.3	Thực tập tốt nghiệp và Thi tốt nghiệp	10
1	Thực tập tốt nghiệp - ISM	2
2	Thi tốt nghiệp	8
3	Thi môn chính trị	0
	Tổng	136

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHO TỪNG HỌC KỲ

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Học kỳ 1

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	2	30
2	Anh văn 1	4	45
3	Pháp luật đại cương	2	30
4	Phương pháp học đại học	1	15
5	Quản trị học	3	45
6	Kinh tế vi mô	3	45
7	Đại số tuyến tính C	2	30
8	Tin học đại cương	3	45
	Tổng	19	

Học kỳ 2

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	3	45
2	Anh văn 2	3	45
3	Nguyên lý kế toán	3	45
4	Giải tích C	3	45
5	Marketing căn bản	2	30
6	Kinh tế vĩ mô	3	45
7	Giáo dục quốc phòng		
8	Đạo đức kinh doanh	2	30
	Tổng	19	

Học kỳ 3

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Kế toán quản trị	2	30
2	Nghiên cứu thị trường	2	30
3	Anh văn 3	3	45
4	Lý thuyết xác suất thống kê toán B	3	45
5	Tài chính tiền tệ	2	30

6	PP nghiên cứu khoa học	3	45
7	Kỹ năng làm việc nhóm	2	30
8	Giáo dục thể chất		
	Tổng	17	

Học kỳ 4

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Anh văn 4	3	45
2	Kinh tế lượng	3	45
3	Luật kinh tế	3	45
4	Hành vi tổ chức	2	30
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
6	Quản trị Marketing	3	45
7	Phân tích tài chính	2	30
	Tổng	18	

Học kỳ 5

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Quản trị nguồn nhân lực	3	45
2	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30
3	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30
4	Đường lối CM Đảng CSVN	3	45
5	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	30
6	Thuế	2	30
7	Anh văn 5	3	45
	Tổng	17	

Học kỳ 6

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Kỹ năng giao tiếp	2	30
2	Môi trường và con người	2	30
3	Anh văn chuyên ngành 1	3	45
4	Quản trị rủi ro và Bảo hiểm kinh doanh	2	30
5	Thị trường chứng khoán	2	30
6	Quản trị sản xuất	2	30
7	Quản trị tài chính	2	30
8	Quản trị chuỗi cung ứng	2	30
	Tổng	17	

Học kỳ 7

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Anh văn chuyên ngành 2	3	60
2	Nghiệp vụ ngoại thương và thanh toán quốc tế	3	45
3	Quản trị dự án	2	30
4	Quản trị chất lượng	2	30
5	Quản trị chiến lược	2	30
6	Động lực thúc đẩy nguồn lực	2	30
	Tổng	15	

Học kỳ 8

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ
1	Thực tập tốt nghiệp	2
2	Khóa luận tốt nghiệp Hoặc thi tốt nghiệp	8
3	Thi chính trị	0
	Tổng	10

Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin**Học kỳ 1**

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	2	30
2	Anh văn 1	4	60
3	Pháp luật đại cương	2	30
4	Phương pháp học đại học	1	15
5	Quản trị học	3	45
6	Kinh tế vi mô	3	45
7	Toán cao cấp 1	2	30
	Tổng	17	

Học kỳ 2

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết
1	Những NLCB CN Mác Lênin	3	45
2	Anh Văn 2	3	45
3	Nguyên lý kế toán	3	45
4	Toán cao cấp 2	3	45
5	Kinh tế vĩ mô	3	45
6	Tin học đại cương	3	45
7	Giáo dục quốc phòng		
	Tổng	18	

Học kỳ 3

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý Hệ thống thông tin)	3	15	60
2	Nền tảng máy tính	2	15	30
3	Business Value (Giá trị doanh nghiệp)	3	15	60
4	Anh văn 3	3	45	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	Marketing căn bản	2	30	
7	Tài chính tiền tệ	2	30	
8	Giáo dục thể chất			
	Tổng	17		

Học kỳ 4

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
-----	-------------	---------	-----------	-----------

1	Anh văn 4	3	45	
2	Luật kinh tế	3	45	
3	Database (cơ sở dữ liệu)	3	15	60
4	Động lực nhóm và giao tiếp	2	30	
5	Đạo đức kinh doanh	2	30	
6	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	
7	Phân tích tài chính	2	30	
	Tổng	18		

Học kỳ 5

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)	3	45	0
2	Requirement engineering (Kỹ thuật lấy yêu cầu)	3	30	30
3	Môi trường con người	2	30	
4	Hành vi tổ chức	2	30	
5	Quản trị Marketing	2	30	
6	Thị trường chứng khoán	2	30	
7	Anh văn 5	3	45	
	Tổng	17		

Học kỳ 6

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Đường lối CM Đảng CSVN	3	45	
2	ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)	3	15	60
3	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30	
4	Kinh tế lượng	3	45	
5	Quản trị nguồn nhân lực	2	30	
6	Thuế	2	30	
7	Anh văn chuyên ngành quản trị 1	3	45	
	Tổng	18		

Học kỳ Hè

HỌC KỲ HÈ		
STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ
1	Đồ án 2 (ERP)	2
	Tổng	2

Học kỳ 7

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Quản trị tài chính	2	30	
2	Anh văn chuyên ngành quản trị 2	3	45	
3	IS theory and practices	3	30	30

	(lý thuyết và thực hành hệ thống tin)			
4	Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng HTTT)	3	30	30
5	Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)	2	15	30
6	Introduction to network and security (Tổng quan mạng và an ninh mạng)	2	15	30
7	Động lực thúc đẩy nguồn lực	2	30	
8	Quản trị chuỗi cung ứng	2	30	
	Tổng	19		

Học kỳ 8

STT	TÊN MÔN HỌC	Tín chỉ
1	Thực tập tốt nghiệp	2
2	Thi tốt nghiệp	8
3	Thi chính trị	0
	Tổng	10

9. MÔ TẢ MÔN HỌC:

STT	MÔN HỌC	Số tín chỉ
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin Nội dung ban hành tại Quyết định số 45/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	5
2	Tư tưởng HCM Nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN Nội dung ban hành tại Quyết định số 41/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 27/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	3
4	Pháp luật đại cương Điều kiện tiên quyết: không Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.	2
5	Môi trường và con người Điều kiện tiên quyết: không Môn học trình bày các kiến thức nhập môn khoa học môi trường; các nguyên lý về sinh thái học vận dụng trong khoa học môi trường; dân số và tài nguyên, môi trường; tài nguyên thiên nhiên; ô nhiễm môi trường; hoạt động sống của con người và các vấn đề nảy sinh; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.	2
6	Phương pháp học đại học Điều kiện tiên quyết: không Đây là nội dung hướng dẫn kỹ năng học đại học nhằm trang bị cho sinh viên ý thức, phương pháp tự học, khái niệm về học tập suốt đời, những kỹ năng học tập, nghiên cứu, tìm hiểu, tích lũy, ứng dụng những kiến thức	1

	tổng quát và kiến thức chuyên môn trong môi trường đại học.	
7	<p>Đạo đức kinh doanh Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Môn học này thảo luận và đánh giá trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các cơ quan công quyền, doanh nghiệp (DN)... Môn học sẽ giúp sinh viên (SV) khám phá những vấn đề thực tiễn trong quan điểm quản trị cũng như quan điểm đa dạng khác, và phân tích những xung đột phức tạp và vấn đề khó xử, thông qua các nghiên cứu tình huống. SV tiếp cận được các phạm trù đạo đức trong môi trường cạnh tranh của thời hội nhập. Môn học này cần trang bị cho SV tất cả các ngành và các hệ. SV vừa học lý thuyết trên lớp, vừa đi thực tế tại các cơ quan công quyền, DN,... để viết báo cáo môn học (BCMh) theo nhóm.</p>	2
8	<p>Tiếng Anh Đây là nội dung tiếng anh giao tiếp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.</p>	22
9	<p>Toán cao cấp (Đại số tuyến tính C và Giải tích C) Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Dạng toàn phương; Hàm số và giới hạn; Phép toán vi phân đối với hàm số một biến số; Hàm nhiều biến và hàm ẩn; Các bài toán cực trị; Phép tính tích phân; Phương trình vi phân; Phương trình sai phân.</p>	5
10	<p>Lý thuyết xác suất và thống kê toán B Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.</p> <p>Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. - Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng. 	3
11	<p>Tin học đại cương Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế cách sử dụng các phần mềm Microsoft: cách soạn thảo văn bản word, các hàm excel tài chính và thuyết trình powerpoint.</p>	3
12	<p>Kinh tế vi mô Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.</p>	3
13	<p>Kinh tế vĩ mô Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.</p>	3

	<p>Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế. Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.</p>	
14	<p>Marketing căn bản Điều kiện tiên quyết: không Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing; Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản lý Marketing của doanh nghiệp.</p>	2
15	<p>Nguyên lý kế toán Điều kiện tiên quyết: không Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p>	3
16	<p>Quản trị học Điều kiện tiên quyết: không Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.</p>	3
17	<p>Kinh tế lượng Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô. Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.</p>	3
18	<p>Kế toán quản trị Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán Môn học cung cấp kiến thức giúp sinh viên xác định chi phí sản phẩm như chi phí tiếp liệu, chi phí sản xuất nhằm đưa ra các quyết định phù hợp, xác định hàng tồn kho và kết quả kinh doanh theo từng giai đoạn,...</p>	2
19	<p>Phân tích tài chính Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính - Tiền tệ, Xác suất thống kê toán, Nguyên lý kế toán Học phần cung cấp những kiến thức và các công cụ về phân tích tài chính của doanh nghiệp: phân tích các tỷ số tài chính, so sánh các chỉ tiêu tài chính, phân tích cơ cấu và phân tích Dupont thông qua các báo cáo tài chính.</p>	2
20	<p>Phân tích hoạt động kinh doanh</p>	2

	<p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính - Tiền tệ, Xác suất thống kê toán, Nguyên lý kế toán, Phân tích tài chính</p> <p>Môn học giúp sinh viên phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và những nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh, phát hiện những quy luật của các mặt hoạt động trong kinh doanh dựa và dữ liệu lịch sử: đánh giá giữa kết quả thực hiện so với kế hoạch, phân tích những nhân tố nội tại và khách quan ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch, phân tích dự báo, phân tích chính sách và phân tích rủi ro trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp...</p>	
21	<p>Quản trị tài chính</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, nguyên lý kế toán</p> <p>Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.</p>	2
22	<p>Tài chính tiền tệ</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính nhà nước; Ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (Ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.</p>	2
23	<p>Thị trường chứng khoán</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính - Tiền tệ, Xác suất thống kê toán.</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các công cụ giao dịch, các kỹ thuật giao dịch và phương pháp giao dịch trên thị trường chứng khoán</p>	2
24	<p>Quản trị quan hệ khách hàng</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị học, Hành vi khách hàng</p> <p>Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Quản trị khách hàng. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về quan hệ khách hàng, các kiến thức cần thiết của người quản trị khách hàng, các chiến lược và công cụ quản trị khách hàng hiệu quả.</p> <p>Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.</p>	2
25	<p>Quản trị Marketing</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản</p> <p>Môn học giúp các sinh viên có khả năng phân tích các cơ hội thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cũng như dự báo nhu cầu thị trường phù hợp với khả năng và mục tiêu của doanh nghiệp, biết cách xây dựng chiến lược marketing cũng như xây dựng các chương trình marketing, tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing. Ngoài ra, môn học này cũng giúp các sinh viên hiểu rõ công tác quản trị marketing trong doanh nghiệp, quá trình quản trị marketing và mối quan hệ cũng như tầm quan trọng của marketing với các lĩnh vực khác để từ đó có thể ra được những quyết định phù hợp, hiệu quả.</p> <p>Môn học nghiên cứu cụ thể từng vấn đề như việc chuẩn bị, xây dựng, tổ chức, thực hiện chương trình marketing trong công tác quản trị marketing và quá trình quản trị marketing của doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu, khả năng của doanh nghiệp và xu thế thời đại.</p>	3
26	<p>Nghiên cứu thị trường</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản.</p>	2

	Chuyên đề này cung cấp cho người học những phương pháp và các công cụ (data mining, online analysis processing..) phục vụ cho việc thu thập xử lý và phân tích các nguồn thông tin làm cơ sở để xây dựng và đề xuất các hoạt động hoặc chiến lược Marketing.	
27	Quản trị nguồn nhân lực Điều kiện tiên quyết: Quản trị học Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.	3
28	Động lực thúc đẩy nguồn lực Điều kiện tiên quyết: Quản trị học Cung cấp lý thuyết của cả 2 trường phái quản trị Nhật và Mỹ về các động lực phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp. Ngoài ra môn học còn nêu chi tiết các nguyên nhân chủ yếu gây ra bất ổn trong tổ chức hay cá nhân, và những giải pháp cụ thể về mặt tâm lý, về mặt kỹ thuật trong quản trị nguồn nhân lực.	2
29	Quản trị chiến lược Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, các học phần kiến thức cơ sở ngành Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp	2
30	Quản trị chất lượng Điều kiện tiên quyết: Quản trị học Môn học giúp sinh viên nắm được vai trò, tầm quan trọng của chất lượng trong nền kinh tế thị trường, ý nghĩa trong quản trị chất lượng trong quản lý vi mô và vĩ mô, những mục tiêu cơ bản trong hoạt động quản trị chất lượng trong doanh nghiệp	2
31	Quản trị sản xuất Điều kiện tiên quyết: không Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạch định, điều độ tác nghiệp, kiểm soát sản xuất để đưa ra các quyết định quản trị hợp lý.	2
32	Quản trị rủi ro và bảo hiểm kinh doanh Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Nguyên lý kế toán, Kinh doanh quốc tế Môn học cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống, khoa học và chi tiết những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể là khả năng nhận biết rủi ro, đo lường và dự báo để phòng ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại do rủi ro xảy ra.	2
33	Quản trị dự án Điều kiện tiên quyết: Phân tích tài chính, quản trị tài chính Môn học cung cấp nội dung cơ bản của tiên trình quản trị dự án, cách thiết lập, điều hành và đánh giá hiệu quả của dự án	2
34	Quản trị chuỗi cung ứng Môn học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng	2

35	<p>Nghiệp vụ ngoại thương và thanh toán quốc tế Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô, tài chính tiền tệ, kinh doanh quốc tế Môn học giúp sinh viên hiểu sâu về nghiệp vụ ngoại thương, cách thức lập hóa đơn thương mại, mở tờ khai hải quan, B/L, L/C,... các cách thức thanh toán quốc tế, phương tiện thanh toán,...</p>	3
36	<p>Luật kinh tế Điều kiện tiên quyết: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật và điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; Những nghĩa vụ kinh doanh; Quan hệ lao động trong doanh nghiệp; Chế độ hợp đồng kinh tế, cách thức giao dịch, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.</p>	3
37	<p>Thuế Điều kiện tiên quyết: không Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số sắc thuế chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như thuế môn bài, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân...</p>	2
38	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học Điều kiện tiên quyết: không Môn học trình bày những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học, các quan điểm phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức thực hiện việc nghiên cứu khoa học. Đặc biệt là giúp sinh viên cách trình bày một bài nghiên cứu khoa học, một khóa luận, luận văn hoặc cách thức trình bày một bài báo nghiên cứu khoa học trên tạp chí,...</p>	3
39	<p>Kỹ năng giao tiếp Điều kiện tiên quyết: không Đây là nội dung hướng dẫn những kiến thức, kỹ năng giao tiếp ở môi trường làm việc trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.</p>	2
40	<p>Kỹ năng làm việc nhóm Điều kiện tiên quyết: không Đây là nội dung hướng dẫn kỹ năng học tập và làm việc theo đội nhóm nhằm trang bị cho sinh viên ý thức, phương pháp làm việc đội nhóm, khái niệm về làm việc trong môi trường năng động, những kỹ năng làm việc hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu của đội nhóm với sự hỗ trợ, cộng tác tích cực bởi các thành viên, ứng dụng những kiến thức, kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay.</p>	2
41	<p>Hành vi tổ chức Điều kiện tiên quyết: Quản trị học Môn học nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức nhằm mục đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn. Môn học sẽ giúp sinh viên (SV) hiểu được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như có thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, SV làm quen với Hành vi tổ chức tại các DN/tổ chức. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.</p>	2

42	<p>Quan hệ kinh tế quốc tế Môn học giới thiệu các hoạt động giao dịch, kinh doanh được thực hiện giữa các quốc gia nhằm thỏa mãn các mục tiêu kinh doanh của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh doanh, luật quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại và môi trường kinh doanh quốc tế,...</p>	2
43	<p>Introduction to ISM (Nhập môn Quản lý hệ thống thông tin) Điều kiện tiên quyết: không Môn nhập môn quản lý hệ thống tin cho cái nhìn tổng quan về chuyên ngành học Quản lý hệ thống tin. Xuất phát từ yêu cầu phát triển của các doanh nghiệp hiện đại, môn học nêu rõ việc gia tăng sử dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp đã tiến từ mức CNTT giữ chức năng hỗ trợ chuyên sang giữ chức năng chiến lược và tạo năng lực mới cho doanh nghiệp. Từ đó sinh viên được tiếp cận với các loại hình hệ thống tin bên trong và bên ngoài doanh nghiệp cũng như tổng quan về cách thức phát triển hệ thống tin trong doanh nghiệp.</p>	3
44	<p>Fundamental of computing (Nền tảng máy tính) Điều kiện tiên quyết: không Môn học cung cấp cho người học nền tảng cơ bản về máy tính và cách kết nối mạng xã hội</p>	2
45	<p>Information system application – Database (Cơ sở dữ liệu) Điều kiện tiên quyết: không Môn cơ sở dữ liệu cung cấp cho sinh viên biết cách tổ chức dữ liệu trong doanh nghiệp. Dữ liệu phát sinh trong quá trình doanh nghiệp hoạt động nay được hệ thống tin ghi lại trong cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, làm nền tảng để cung cấp thông tin cho mọi cấp quản lý và vận hành trong doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hình dung được cách tổ chức dữ liệu từ các tài liệu vận hành thành các dạng lưu trữ trong máy tính có thể truy lục ra được.</p>	3
46	<p>IS theories and practice (Lý thuyết và thực hành hệ thống thông tin) Điều kiện tiên quyết: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin Môn Lý thuyết và thực hành hệ thống tin cung cấp cái nhìn về chức trách quyền hạn của giám đốc thông tin CIO trong doanh nghiệp và đồng thời giới thiệu cả các chức trách quyền hạn của quản lý cấp trung trong doanh nghiệp nghiêng về phía cung cấp dịch vụ. Sinh viên được làm quen với các vị trí quản lý khác nhau trong doanh nghiệp để có thể nhanh chóng tham gia vào các hoạt động kinh doanh sản xuất.</p>	3
47	<p>Process & quality management (Quản lý quy trình và chất lượng hệ thống thông tin) Điều kiện tiên quyết: Quản lý dự án hệ thống thông tin Môn Quản lý quy trình và chất lượng cung cấp cho sinh viên cách hiểu về các khuôn khổ qui trình chuẩn trong doanh nghiệp và cách thức đẩy tăng trưởng năng lực doanh nghiệp khi áp dụng CNTT. Sinh viên được làm quen với các mô hình đảm bảo chất lượng và đảm bảo qui trình toàn tổ chức.</p>	3
48	<p>Requirements Engineering (Kỹ nghệ yêu cầu) Điều kiện tiên quyết: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin Môn Kỹ nghệ yêu cầu cung cấp cho sinh viên các kỹ năng để làm việc với khách hàng và phân tích hoạt động doanh nghiệp. Môn học này cho sinh viên làm quen với các kỹ thuật lấy yêu cầu cũng như các kỹ thuật viết và thể hiện yêu cầu đó trong các bản đặc tả mà cả khách hàng và tổ thực hiện yêu cầu đều có thể hiểu được. Qua môn học này sinh viên cũng được học về cách tạo lập mối quan hệ tốt với khách hàng và đồng thời làm cho tổ dự án hiểu được chính xác cần làm gì tương ứng với yêu cầu của khách hàng.</p>	3
49	<p>Business Value (Giá trị doanh nghiệp)</p>	3

	<p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Môn Giá trị doanh nghiệp cho một nhập môn về cách hoạt động của doanh nghiệp, được đo và nhìn theo nhiều góc độ khác nhau, đặc biệt là các giá trị được gia tăng bởi công nghệ thông tin khi tham gia vào các hoạt động quản lí và sản xuất của doanh nghiệp.</p>	
50	<p>ISM and practices (Quản lý dự án hệ thống thông tin)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin</p> <p>Môn học này tập trung vào việc giới thiệu cách quản lí một dự án công nghệ nói riêng (hệ thống tin). Nó cho biết cách triển khai dự án hệ thống tin trong tổ chức, cách phối hợp các nguồn lực tri thức để hoàn thành dự án. Nó cung cấp cho sinh viên các cách hiệu hiện đại về quản lí dự án trong một khuôn khổ chung của một chương trình (nhiều dự án) tham gia vào chiến lược phát triển.</p>	3
51	<p>Business Process Management (Quản lý quy trình doanh nghiệp)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Nhập môn quản lý hệ thống thông tin</p> <p>Môn Quản lí quy trình doanh nghiệp giới thiệu cho sinh viên những quy trình chuẩn căn bản có trong tổ chức. Qua phân tích sự thực hiện thủ công của những quy trình xuyên suốt của toàn doanh nghiệp, môn học này chỉ ra những nhược điểm của cách quản lí theo chức năng và tín ưu việt của việc nhìn toàn bộ doanh nghiệp theo quản điểm quy trình xuyên suốt. Môn học giới thiệu cho sinh viên biết cách dùng hệ thống tin toàn doanh nghiệp hỗ trợ cho các quy trình chuẩn, và qua đó giúp cho lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp có tức thời mọi thông tin về tổ chức để ra quyết định. Môn học còn giới thiệu về phương pháp luận Quản lí quy trình doanh nghiệp, cho biết cách thức để đưa vào bên trong doanh nghiệp cách tổ chức quy trình làm việc mới dùng công nghệ.</p>	3
52	<p>Business Data Analysis (Phân tích dữ liệu doanh nghiệp)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu</p> <p>Môn học tập trung đem đến cho người học hiểu rõ vai trò quan trọng của dữ liệu và phân tích dữ liệu trong việc hỗ trợ doanh nghiệp ra các quyết định kinh doanh hiệu quả. Dữ liệu sẽ là vô nghĩa nếu không được phân tích và khai thác đúng mục đích kinh doanh. Qua môn học, sinh viên sẽ hiểu rõ các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích dữ liệu doanh nghiệp, và thực hành ứng dụng một số công cụ phân tích các loại dữ liệu khác nhau để đáp ứng các bài toán kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	2
53	<p>Introduction to network and security (Tổng quan mạng và an ninh mạng)</p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Cho sinh viên nắm rõ khái niệm mạng máy tính là gì, lợi ích của mạng máy tính trong thời đại công nghệ 4.0. Lợi ích to lớn khi doanh nghiệp áp dụng Cloud Computing, các dạng Cloud Computing hoạt động và an toàn ra làm sao. Cuối cùng các phương pháp bảo mật cho hệ thống mạng và cho Cloud Computing như thế nào cho an toàn trong khả năng của doanh nghiệp và đối tác cung cấp giải pháp.</p>	2
54	<p>Đồ án hệ (ERP)</p> <p>Vào cuối học kỳ 6, sinh viên được yêu cầu thực hiện theo nhóm một đồ án về chủ đề Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resources Planning - ERP) gắn liền với thực tế doanh nghiệp với sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên phải báo cáo trước hội đồng.</p>	2

Giáo dục Thể chất:

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giáo dục Quốc phòng:

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Thị Mỹ Diệu

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS Nguyễn Văn Áng